

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

Mã số: 7720601

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung (*goals, aims*): Đào tạo Cử nhân Xét nghiệm y học có ý thức, có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ngành học ở trình độ đại học, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu cụ thể (*Programme Objectives - POs*)

Về kiến thức

MT 01. Nắm vững nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Pháp luật để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

MT 02. Có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và kiến thức chuyên ngành để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.

MT 03. Có kiến thức tổng quan về con người, kiến thức cơ sở làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học. Hiểu biết các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị thuộc ngành xét nghiệm y học. Vận dụng được nguyên lý và cơ chế của một số xét nghiệm y học thông thường vào công tác.

Về kỹ năng

MT 04: Thực hiện được các kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Xét nghiệm tế bào, Giải phẫu bệnh và các xét nghiệm Huyết học – Truyền máu... Đọc và phân tích chính xác các kết quả xét nghiệm. Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên môn.

MT 05: Sử dụng và bảo quản được một số trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm trong phòng xét nghiệm y học. Thực hiện, kiểm tra giám sát các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.

MT 06. Phát triển kỹ năng mềm cần thiết trong công việc: CNTT, kỹ năng thuyết trình, có kỹ năng tổ chức và làm việc theo nhóm, thu thập thông tin ... Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử chuẩn mực trong ngành y. Có năng lực phản biện và cải tiến trong công việc.

MT 07. Sinh viên tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

MT 08. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

MT 09. Tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác. Tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Trung thực, khách quan, có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học, phát triển chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Programma Learning Outcomes – PLOs)

Khi kết thúc Chương trình đào tạo Cử nhân xét nghiệm y học người học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
1. Kiến thức				
1.1. Kiến thức chung				
PLO1 (1.1.1)	Hiểu và vận dụng được kiến thức về Chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam để phân tích được vấn đề pháp lý cơ bản về Nhà nước và pháp luật	3/6	PI 1.1	Hiểu và phân tích được kiến thức cơ bản về Triết học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối Đảng Cộng sản Việt Nam
			PI 1.2	Nắm vững và phân tích được các vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật
1.2. Kiến thức nghề nghiệp				
PLO2 (1.2.1)	Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở chuyên ngành làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học	3/6	PI 2.1	Hiểu và vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở chuyên ngành làm nền tảng cho công việc thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học
			PI 2.2	Hiểu và vận dụng được quy định của pháp luật trong thực hiện kỹ thuật xét nghiệm y học .
PLO3		3/6	PI 3.1	Nắm được các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
(1.2.2)	Vận dụng các nguyên lý, quy tắc, quy trình vận hành, bảo quản, bảo dưỡng một số loại trang thiết bị, an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm. Thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.			một số loại trang thiết bị thuộc ngành xét nghiệm, an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm... để áp dụng vào thực tiễn thực hiện nhiệm vụ được giao.
			PI 3.2	Có khả năng thực hiện được các biện pháp đảm bảo chất lượng và kiểm tra chất lượng xét nghiệm.
PLO4 (1.2.3)	Vận dụng kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành xét nghiệm y học.	4/6	PI 4	Áp dụng được các kiến thức chuyên môn ngành học để giải quyết độc lập, sáng tạo các vấn đề thuộc ngành hình ảnh y học ở các lĩnh vực được phân công phụ trách.
2. Kỹ năng				
2.1. Kỹ năng chung				
PLO5 (2.1.1)	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	PI 5	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm. .
PLO6 (2.1.1)	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.	3/5	PI 6.1	Soạn thảo được các văn bản như văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính nhà nước, văn bản hành chính thông thường ... đúng quy định, có cấu trúc hợp lý và đáp ứng yêu cầu của đối tượng cần giao tiếp.
			PI 6.2	Xây dựng và thực hiện được bài thuyết trình hiệu quả, lập luận tốt, sử dụng các công cụ hỗ trợ âm thanh/hình ảnh, ngôn ngữ logic rõ ràng, tác phong đĩnh đạc.
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ vào giao tiếp thông thường và	3/5	PI 7.1	Hiểu và nghe được các bài đối thoại, độc thoại trong các bối cảnh khác nhau về các

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
(2.1.2)	công việc chuyên môn. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho người Việt Nam hoặc tương đương theo Điều 3 của Quyết định số 58/QĐ-ĐHHD ngày 3/7/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Thành Đông về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học)			chủ đề quen thuộc trong đời sống và chuyên môn xét nghiệm y học
			PI 7.2	Trả lời các câu hỏi và trình bày quan điểm của mình về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và chuyên môn xét nghiệm y học
			PI 7.3	Đọc được các từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội và chuyên môn xét nghiệm y học
			PI 7.4	Viết được các văn bản giản đơn liên quan đến công việc và chuyên môn xét nghiệm bằng tiếng Anh.
2.2. Kỹ năng nghề nghiệp				
PLO8 (2.2.1)	<p>Khả năng thực hiện tốt công tác quản lý hoạt động chuyên môn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn của viên chức kỹ thuật y khi được phân công; - Sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản trang thiết bị y tế trong phạm vi quản lý; phát hiện, báo cáo và xử lý lỗi kỹ thuật đơn giản; - Lập kế hoạch quản lý, định kỳ kiểm kê, báo cáo về sử dụng trang thiết bị y tế, thuốc, hoá chất, sinh phẩm thuốc trong phạm vi được giao theo quy định. 	3/5	PI 8.1	Có kỹ năng tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và chịu trách nhiệm về hoạt động chuyên môn của viên chức kỹ thuật y khi được phân công
			PI 8.2	Hiểu và biết Sử dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản trang thiết bị y tế trong phạm vi quản lý; phát hiện, báo cáo và xử lý lỗi kỹ thuật đơn giản
			PI 8.3	Có khả năng lập kế hoạch quản lý, định kỳ kiểm kê, báo cáo về sử dụng trang thiết bị y tế, thuốc, hoá chất, sinh phẩm thuốc trong phạm vi được giao theo quy định.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
PLO9 (2.1.1)	Thực hiện thành thạo tất cả được các kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Xét nghiệm tế bào, Giải phẫu bệnh và các xét nghiệm Huyết học – Truyền máu... Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên môn. Đọc và phân tích chính xác các kết quả xét nghiệm và mô tả được các biểu hiện bất thường một số bệnh lý thường gặp.	4/5	PI 9.1	Thực hiện thành thạo tất cả các kỹ thuật xét nghiệm y học và đưa ra nhận định chính xác về các biểu hiện bất thường trong một số bệnh lý thường gặp .
			PI 9.2	Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm chuyên sâu và ứng dụng những kỹ thuật mới trong hoạt động chuyên môn
3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
PLO10 (3.1.1)	Có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong thận trọng, chính xác, có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.	4/5	PI10.1	Đưa ra được kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực xét nghiệm .
			PI10.2	Đánh giá và cải tiến các hoạt động xét nghiệm. Đề xuất được các giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao
			PI10.3	Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học
PLO11 (3.1.2)	Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, Khả năng giao tiếp hiệu quả với các giảng viên, cán bộ y tế, người bệnh và người nhà của người bệnh, trong quá trình thực hành chuyên môn với phạm vi công việc được giao; hướng dẫn, truyền đạt hiệu quả kiến thức, thông tin, kinh	4/5	PI 11.1	- Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp. Có trách nhiệm đối với cộng đồng và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp khi thực hiện công việc
			PI 11.2	- Khả năng giao tiếp hiệu quả với các giảng viên, cán bộ y tế, người bệnh và người nhà của người bệnh, trong quá trình thực hành chuyên môn với phạm vi công việc được giao, hướng dẫn, truyền

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
	nghiệm thực hành chuyên môn của bản thân cho người khác.			đạt hiệu quả kiến thức, thông tin, kinh nghiệm thực hành chuyên môn của bản thân cho người khác.

Khi kết thúc Chương trình đào tạo Cử nhân Quản lý nhà nước người học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

(*) *Trình độ năng lực: Đánh giá theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1-5)*

Ghi chú: Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học gồm 5 lĩnh vực, 27 tiêu chuẩn và 106 tiêu chí.

Bảng 2.2. Quan hệ giữa mục tiêu (PO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO).

Mục tiêu CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
1	x										
2		x									
3			x	x							
4								x	x		
5			x					x			
6					x	x					
7							x				
8											x

13	MSP2031	Xác suất thống kê y học	2	2	30	0	0	II
14	CMT2031	Hoá học	2	1	15	1	30	I
15	BAG2031	Sinh học và di truyền	2	1	15	1	30	I
16	BPM2031	Lý sinh y học	2	1	15	1	30	I
17	SRM2031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30	0	0	VI
18	MPE2031	Tâm lý - Đạo đức y học	2	2	30	0	0	III
Kiến thức cơ sở của ngành			18	13	195	5	150	
19	AAP2031	Giải phẫu - Sinh lý	3	2	30	1	30	II
20	PMC2031	Dược lý	2	1	15	1	30	V
21	EBL2131	Mô phôi	3	2	30	1	30	III
22	PSI2031	Sinh lý bệnh - Miễn Dịch	2	1	15	1	30	III
23	BSN2031	Điều dưỡng cơ bản	2	1	15	1	30	III
24	PLT2031	Bệnh học	2	2	30	0	0	IV
25	EID2131	Dịch tễ học	2	2	30	0	0	IV
26	OEE2031	Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe	2	2	30	0	0	III
Kiến thức ngành			77	24	360	53	2160	
27	BMT2131	Xét nghiệm cơ bản	2	1	15	1	30	III
28	HM12131	Huyết học tế bào 1	2	1	15	1	30	IV
29	HM22131	Huyết học tế bào 2	2	1	15	1	30	V
30	CHM2131	Huyết học đông máu	2	1	15	1	30	V

31	HBT2131	Huyết học truyền máu	2	1	15	1	30	VI
32	AHM2131	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	15	1	30	VII
33	BC12131	Hoá sinh 1	2	1	15	1	30	IV
34	BC22131	Hoá sinh 2	2	1	15	1	30	V
35	BC32131	Hoá sinh 3	2	1	15	1	30	VI
36	BC42131	Hoá sinh 4	2	1	15	1	30	VII
37	MB12131	Vi sinh 1	2	1	15	1	30	IV
38	MB22131	Vi sinh 2	2	1	15	1	30	V
39	MB32131	Vi sinh 3	2	1	15	1	30	VI
40	MB42131	Vi sinh 4	2	1	15	1	30	VII
41	PS12131	Ký sinh trùng 1	2	1	15	1	30	IV
42	PS22131	Ký sinh trùng 2	2	1	15	1	30	V
43	PS32131	Ký sinh trùng 3	2	1	15	1	30	VI
44	CT12131	Xét nghiệm tế bào 1	2	1	15	1	30	V
45	CT22131	Xét nghiệm tế bào 2	2	1	15	1	30	VI
46	MBM2131	Sinh học phân tử	2	1	15	1	30	IV
47	TQM2131	Kiểm tra chất lượng XN	2	1	15	1	30	V
48	HIC2131	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	15	1	30	V
49	PL12131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh - Ký sinh trùng	4	0		4	180	VII
50	PL12131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 2: Hoá sinh	4	0		4	180	VII
51	PL12131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học	4	0		4	180	VII

52	PL12131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh	4	0		4	180	VIII
53	GDP2131	Thực tập tốt nghiệp	6	0		6	270	VIII
54	GDT2131	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học bổ sung)	7				420	VIII
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần								
57	FST2131	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	2	1	15	1	45	VI
58	SHT2131	Một số kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu	2	1	15	1	45	VI
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần								
59	PST2131	Một số xét nghiệm ký sinh trùng trong VSATTP	2	1	15	1	45	VI
60	SMB2131	Kỹ nghệ gen ứng dụng trong chẩn đoán và sản xuất protein tái tổ hợp	2	1	15	1	45	VI
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần								
61	CTL2131	Độc chất học lâm sàng	2	1	15	1	30	IV
62	BCP2131	Bệnh lý tế bào máu	2	1	15	1	30	IV
Tổng cộng			132	67	1005	65	2520	

Ghi chú: Đường link xem Đề cương chi tiết học phần:

4. MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN CHO CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Môn học	Kiến thức				Kỹ năng					Năng lực tự chủ	
		PL O1	PL O2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PL O6	PL O7	PLO 8	PL O9	PLO 10	PLO1 1
1	Triết học Mác - Lênin	2									3	2
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3	2
5	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2									3	2
6	Tiếng Anh 1							3			3	2
7	Tiếng Anh 2							3			3	2
8	Tiếng Anh 3 (chuyên ngành)				2			4			3	2
9	Pháp luật đại cương	3	3								3	2
10	Tin học đại cương						3				3	2

11	Giáo dục thể chất*										2	2
12	Giáo dục quốc phòng - An ninh*										2	2
13	Xác suất thống kê y học						3				3	2
14	Hoá học		4	1	4	1		1	1	2	3	2
15	Sinh học và di truyền		4	1	4	1		1	1	2	3	2
16	Lý sinh y học		4	1	4	1		1	1	2	3	2
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học		4	1	3	4	3	4	2	3	3	2
18	Tâm lý - Đạo đức y học					3					3	2
19	Giải phẫu - Sinh lý		4	1	3	2		1	1	2	3	2
20	Dược lý		4	1	3	2		1	1	2	3	2
21	Mô phôi		5	3	5	4		3	3	3	3	2
22	Sinh lý bệnh - Miễn Dịch		5	1	5	4		3	3	3	3	2
23	Điều dưỡng cơ bản		4	1	3	2		1	1	2	3	2
24	Bệnh học		4	1	3	2		1	1	2	3	2
25	Dịch tễ học		4	1	3	2		1	1	2	3	2
26	Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khỏe					4	4				3	2
27	Xét nghiệm cơ bản		5	3	5	4		3	5	5	3	2
28	Huyết học tế bào 1		5	3	5	4		3	5	5	3	2
29	Huyết học tế bào 2		5	3	5	4		3	5	5	3	2

30	Huyết học đông máu		5	3	5	4		3	5	5	3	2
31	Huyết học truyền máu		5	3	5	4		3	5	5	3	2
32	Xét nghiệm huyết học nâng cao		5	3	5	4		3	5	5	3	2
33	Hoá sinh 1		5	3	5	3		3	3	5	3	2
34	Hoá sinh 2		5	3	5	3		3	3	5	3	2
35	Hoá sinh 3		5	3	5	3		3	3	5	3	2
36	Hoá sinh 4		5	3	5	3		3	3	5	3	2
37	Vi sinh 1		5	3	5	3		3	3	5	3	2
38	Vi sinh 2		5	3	5	3		3	3	5	3	2
39	Vi sinh 3		5	3	5	3		3	3	5	3	2
40	Vi sinh 4		5	3	5	3		3	3	5	3	2
41	Ký sinh trùng 1		5	3	5	3		3	3	5	3	2
42	Ký sinh trùng 2		5	3	5	3		3	3	5	3	2
43	Ký sinh trùng 3		5	3	5	3		3	3	5	3	2
44	Xét nghiệm tế bào 1		5	3	5	3		3	3	5	3	2
45	Xét nghiệm tế bào 2		5	3	5	3		3	3	5	3	2
46	Sinh học phân tử		5	3	5	3		3	3	5	3	2
47	Kiểm tra chất lượng XN		5	3	5	3		4	4	5	3	2
48	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện		5	3	5	3		4	4	5	3	2
49	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh - Ký sinh trùng		5	4	5	5	2	2	5	5	3	4

50	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 2: Hoá sinh		5	4	5	5	2	2	5	5	3	4
51	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học		5	4	5	5	2	2	5	5	3	4
52	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh		5	4	5	5	2	2	5	5	3	4
53	Thực tập tốt nghiệp		5	5	5	5	2	2	5	5	3	4
54	Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học bổ sung)		4	4	4	4	2	2	4	4	3	3
55	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP		3	4	4	3			3	4	3	3
56	Một số kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu		3	4	4	3			3	4	3	3
57	Một số xét nghiệm ký sinh trùng trong VSATTP		3	4	4	3			3	4	3	3
58	Kỹ nghệ gen ứng dụng trong chẩn đoán và sản xuất protein tái tổ hợp		3	4	4	3			3	4	3	3
59	Độc chất học lâm sàng		3	4	4	3			3	4	3	3
60	Bệnh lý tế bào máu		3	4	4	3			3	4	3	3

5. Kế hoạch giảng dạy

Học kỳ I

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bổ		
				LT	TH	Tự học
1	MLP0031	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	90
2	EL10031	Tiếng Anh 1	3	3	0	90
3	GIM0031	Tin học đại cương	2	1	1	30
4	PHE0031	Giáo dục thể chất	3	0	3	0
5	BAG2031	Sinh học và di truyền	2	1	1	30
6	CMT2031	Hoá học	2	1	1	30
7	BPM2031	Lý sinh y học	2	1	1	30
Tổng cộng			17	10	7	300

Học kỳ II

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bổ		
				LT	TH	Tự học
1	MPE0031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	60
2	EL20031	Tiếng Anh 2	2	2	0	60
3	SME0031	Giáo dục quốc phòng - An ninh	7	4	3	90
4	MSP2031	Xác suất thống kê y học	2	2	0	60
5	GLA0031	Pháp luật đại cương	2	2	0	60
6	AAP2031	Giải phẫu - Sinh lý	3	2	1	60
Tổng cộng			18	14	4	390

Học kỳ III

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bố		
				LT	TH	Tự học
1	SSL0031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	60
2	EL30031	Tiếng Anh 3 (chuyên ngành)	3	3	0	90
3	MPE2031	Tâm lý - Đạo đức y học	2	2	0	0
4	EBL2131	Mô phôi	3	2	1	60
5	PSI2031	Sinh lý bệnh - Miễn Dịch	2	2	0	30
6	BSN2031	Điều dưỡng cơ bản	2	1	1	30
7	OEE2031	Tổ chức và quản lý y tế - Chương trình y tế quốc gia - Giáo dục sức khoẻ	2	2	0	60
8	BMT2131	Xét nghiệm cơ bản	2	1	1	30
Tổng cộng			18	15	3	360

Học kỳ IV

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bố		
				LT	TH	Tự học
1	EID2131	Dịch tễ học	2	2	0	60
2	HM12131	Huyết học tế bào 1	2	1	1	30
3	BC12131	Hoá sinh 1	2	1	1	30
4	MB12131	Vi sinh 1	2	1	1	30
5	PS12131	Ký sinh trùng 1	2	1	1	30
6	CTL2131	Độc chất học lâm sàng	2	1	1	30
7	MBM2131	Sinh học phân tử	2	1	1	30
Tổng cộng			18	13	5	240

Học kỳ V

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bố		
				LT	TH	Tự học
1	HM22131	Huyết học tế bào 2	2	1	1	30
2	CHM2131	Huyết học đông máu	2	1	1	30
3	BC22131	Hoá sinh 2	2	1	1	30
4	MB22131	Vi sinh 2	2	1	1	30
5	PS22131	Ký sinh trùng 2	2	1	1	30
6	CT12131	Xét nghiệm tế bào 1	2	1	1	30
7	TQM2131	Kiểm tra chất lượng xét nghiệm	2	1	1	30
8	HIC2131	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	2	1	1	30
Học phần tự chọn (<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần</i>)						
9	BCP2131	Bệnh lý tế bào máu	2	1	1	30
10	PMC2031	Dược lý	2	1	1	0
Tổng cộng			18	9	9	270

Học kỳ VI

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bố		
				LT	TH	Tự học
1	HBT2131	Huyết học truyền máu	2	1	1	30
2	BC32131	Hoá sinh 3	2	1	1	30
3	MB32131	Vi sinh 3	2	1	1	30
4	PS32131	Ký sinh trùng 3	2	1	1	30
5	CT22131	Xét nghiệm tế bào 2	2	1	1	30
6	HCV0031	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	60
7	SRM2031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	60
Học phần tự chọn (<i>Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần</i>)						

8	FST2131	Một số xét nghiệm vi sinh trong VSATTP	2	1	1	30
9	SHT2131	Một số kỹ thuật huyết học truyền máu chuyên sâu	2	1	1	30
10	PST2131	Một số xét nghiệm ký sinh trùng trong VSATTP	2	1	1	30
11	SMB2131	Kỹ nghệ gen ứng dụng trong chẩn đoán và sản xuất protein tái tổ hợp	2	1	1	30
Tổng cộng			18	11	7	390

Học kỳ VII

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bổ		
				LT	TH	Tự học
1	AHM2131	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	1	30
2	BC42131	Hoá sinh 4	2	1	1	30
3	MB42131	Vi sinh 4	2	1	1	30
4	PL12131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 1: Vi sinh - Ký sinh trùng	4	0	4	0
5	PL22131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 2: Hoá sinh	4	0	4	0
6	PL32131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 3: Huyết học	4	0	4	0
Tổng cộng			18	3	15	90

Học kỳ VIII

TT	Mã HP	Môn học/Học phần	TC	Phân bổ
----	-------	------------------	----	---------

				LT	TH	Tự học
1	PL42131	Thực tập kỹ thuật xét nghiệm 4: Giải phẫu bệnh	4	0	4	0
2	GDP2131	Thực tập tốt nghiệp	6	0	6	0
3	GDT2131	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7	0
Tổng cộng			17	0	17	0